TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2023/QĐST-DS	*TP.T, ngày 29 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 52/2022/TLST- DS ngày 29 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ(OCB)

Địa chỉ: Số 41-45 đường L, phường B, Quận 1, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang H – Chức vụ: Giám đốc PGD;

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

- Ông Mai Chấn D - Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng
- Ông Lưu Xuân H - Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng

Địa chỉ: Lô 06-07 Phan Chu Trinh, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1964

Ông Trần Đình K, sinh năm: 1964

Cùng địa chỉ: Số 04/123 Trần Quang Diệu, phường N, thành phố T, tỉnh T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngày 24/01/2018, giữa Ngân hàng TMCP Đ và vợ chồng bà Nguyễn Thị M và ông Trần Đình K ký Hợp đồng tín dụng số 010/2018/HĐTD-CN, số tiền vay 200.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: cho vay tiêu dùng.

Tính đến đến ngày 21/3/2023, bà Nguyễn Thị M và ông Trần Đình K còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền tổng cộng là 152.789.677 đồng (một trăm năm

mươi hai triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi bảy đồng), gồm:

- Nợ gốc quá hạn: 97.900.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 14.108.489 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 40.781.188 đồng.

2.2. Hai bên thống nhất được phương án thanh toán nợ như sau:

Chậm nhất vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 4 năm 2023, bà M và ông K sẽ thanh toán số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng mỗi tháng đến khi thanh toán hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

Kể từ ngày 22/3/2023, bà M và ông K tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi xuất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 010/2018/HĐTD-CN ngày 24/01/2018 đã ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bà M và ông K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận nêu trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất 245, tờ bản đồ số 09. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo số BL395868, vào sổ cấp GCN số CH00603/5132/QĐ/UBND số UBND thành phố T, tỉnh T cấp ngày 25/9/2012 đứng tên bà Nguyễn Thị M và ông Trần Đình K. Tài sản bảo đảm đã được công chứng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 025/2014/BĐ-PGD ngày 26/3/2014 và phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 025.1/SĐBS-HĐBĐ ngày 24/01/2018 đã được đăng ký thế chấp ngày 26/4/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng tài nguyên và môi trường UBND thành phố T.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì bà M và ông K vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

2.3. Về án phí: Bà M và ông K phải chịu 3.820.000 (ba triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (đã làm tròn số).

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.624.000 (bốn triệu sáu trăm hai bốn nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002573 ngày 25/11/2022.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Linh